

# MÃY KHÍA CẠNH SINH HỌC, TÂM LÝ, XÃ HỘI GÓP PHẦN XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC HỆ THỐNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

PGS. TS. MẠC VĂN TRANG  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Giáo dục phổ thông (GDPT) của nước nào cũng đề ra giáo dục toàn diện, cân đối, hài hòa giữa các mặt thể chất và tinh thần, trí tuệ và tình cảm, đạo đức và năng lực, cá nhân và xã hội, truyền thống dân tộc và văn hóa nhân loại [2]. Nghĩa là nền giáo dục phải có sứ mệnh "làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em" để trở thành những "người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà" (Hồ Chí Minh) theo mong đợi của xã hội, đáp ứng yêu cầu của thời đại...

Học sinh (HS) phổ thông là một tập hợp những trẻ em, thanh thiếu niên từ 6 – 7 tuổi đến 18 – 19 tuổi, với những giai đoạn phát triển và đặc điểm sinh lý – thể chất, tâm lý, xã hội khác nhau về chất. Do vậy, cấu trúc hệ thống giáo dục, chương trình, nội dung, phương pháp, cách tổ chức giáo dục cũng cần phải thay đổi cho phù hợp với sự phát triển của đối tượng giáo dục. Đó chính là một trong những cơ sở quan trọng của sự phân cấp, bậc học, phân hóa, hướng nghiệp, phân luồng trong và sau GDPT.

- **D.B. Encônhin:** "Tâm lý học trẻ em là khoa học nghiên cứu những quy luật phát triển tâm lý của trẻ và những đặc điểm tâm lý trong các giai đoạn phát triển khác nhau" [4, tr. 408];

- **L.X. Vugôttxki:** Giáo dục và sự phát triển của HS là hai quá trình lệ thuộc lẫn nhau, tương tác lẫn nhau mà từ đó tạo ra sự phát triển tâm lý của HS. Quan điểm của ông là phải hiểu sự phát triển của trẻ để giáo dục kích thích vào "**vùng phát triển gần nhất**", đón trước, thúc đẩy, định hướng cho sự phát triển [8, tr. 211- 213];

Như vậy, tổ chức hệ thống GDPT cũng như các hoạt động giáo dục rất cần dựa trên cơ sở Tâm lý học và các khoa học liên quan.

Giới hạn của bài viết này chỉ nhằm giải đáp vấn đề đặt ra: Yêu cầu "**đổi mới căn bản và toàn diện**" nền giáo dục nước nhà như Nghị quyết Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra, có cần đổi mới hệ thống GDPT hiện nay hay không? Tại sao? Nên đổi mới như thế nào?

## 2. Một số lý giải và chọn lựa

### 2.1. Về sự phát triển sinh lý lứa tuổi của HS phổ thông

- **Từ 6 – 11 tuổi:** Trẻ lớn chậm, chắc, khá cân đối, đồng đều (mỗi năm tăng chừng 3kg, cao thêm chừng 5cm); Não phát triển nhanh, nhưng vẫn trong quá trình myelin hóa (myelinisation), tức là phát triển và hoàn thiện các đường truyền dẫn tốc độ cao đảm bảo cho hoạt động của trí não đang gia tăng... (Ở mỗi con người có khoảng 10 tỉ tế bào thần kinh, mỗi tế bào có những kết nối với các tế bào thần kinh khác, mà số kết nối phát triển vô hạn. Các tua, nhánh kết nối tạo ra các đường truyền dẫn được myelin hóa, để đạt tới đường dẫn truyền cao tốc, cung cấp thông tin không hạn chế cho hoạt động trí não); Sự phát triển não bộ cũng đồng thời là quá trình phát triển các chức năng và sự phối hợp giữa bán cầu não phải và bán cầu não trái... để vừa hoàn thiện vừa phân hóa sự khác biệt cá thể trong các giai đoạn tiếp theo...

- **Từ 12 – 13 tuổi:** có sự phát triển bùng nổ về hình thể: Ở các nước phương Tây, các em gái thay đổi nhanh từ 10 – 11 tuổi và chậm lại vào 13 – 14 tuổi; đối với châu Á, các em gái thay đổi hình thể mạnh vào 12 – 13 tuổi và chậm lại vào 15 – 16 tuổi. Các em trai chậm hơn gái chừng 2 – 3 năm. Giai đoạn này có nhiều thay đổi về hoạt động của hệ tim mạch, thần kinh, nội tiết... gây nên những mất cân đối về sinh lý – thể chất và những khủng hoảng tâm lý nhất định. Quá trình đó sẽ ổn định dần vào tuổi 16 – 17.

- **Từ 18 tuổi:** là thời kì phát triển chín về mặt sinh học, tạo khả năng để người thanh niên có thể tham gia vào các hoạt động của đời sống [3, tr.731 – 732].

- Kết quả nghiên cứu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2006) "Các chỉ số cơ bản về sinh lý và tâm lý HS" cho thấy:

#### - Phát triển chiều cao và cân nặng:

| Tuổi/<br>Chỉ số | Chiều cao<br>(cm)       | Cân<br>nặng<br>(kg) | Đặc điểm nổi bật                                         |
|-----------------|-------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------|
| 11 tuổi         | Nam: 135,0<br>Nữ: 137,1 | 29,6<br>29,3        | Phát triển chậm, chắc, hài hòa, còn non, yếu...          |
| 16 tuổi         | Nam: 158,8<br>Nữ: 148,2 | 47,9<br>43,8        | Dậy thì, phát triển nhanh, mất cân đối... => dần ổn định |



|         |                         |              |                                                                        |
|---------|-------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------|
| 18 tuổi | Nam: 161,0<br>Nữ: 149,7 | 52,6<br>46,8 | Ổn định cân đối, hài hòa, đang chín về sinh học và tâm lí – xã hội.... |
|---------|-------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------|

Hiện tượng **gia tốc** phát triển khiến dậy thì sớm hơn (khoảng 15 – 20 năm sớm lên một năm) đã diễn ra ở châu Âu cách đây hơn 100 năm trước và đã kết thúc nhưng lại đang diễn ra ở các nước đang phát triển (có thể do dinh dưỡng tốt hơn, điều kiện chăm sóc y tế, tác động xã hội...). Hiện nay, thiếu niên Việt Nam dậy thì sớm hơn 1- 2 năm so với cách đây 20

- **Kohlberg** cho rằng:

+ Trẻ 7 tuổi đến dậy thì (12 tuổi), chủ yếu phát triển **nhận thức** => **Tiểu học**;

+ Từ dậy thì (13 -15 tuổi) trở đi, chủ yếu phát triển **sinh học, tâm lí, nhận thức xã hội**...=> **Trung học** [3, tr. 448]

Theo hai tác giả nói trên có thể xác định lứa tuổi GDPT nên chia hai giai đoạn: Tiểu học (6 đến 12 tuổi); từ 12 – 13 tuổi trở đi là giai đoạn giáo dục Trung học;

- **Howard Gardner** cho rằng trong quá trình giáo dục có sự chín muồi khác nhau ở các loại trí tuệ

| Loại trí tuệ          | Quá trình trí tuệ                                                  | Nghề nghiệp phù hợp                             |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Ngôn ngữ              | Nhạy cảm ngôn ngữ...                                               | Nhà thơ, nhà văn, nhà báo...                    |
| Không gian            | Cảm nhận không gian chính xác                                      | Kĩ sư, tạo hình, điêu khắc...                   |
| Logic toán học        | Tư duy trừu tượng, logic....                                       | Nhà Toán học, khoa học...                       |
| Âm nhạc               | Nhạy cảm với âm thanh, giai điệu...                                | Nhạc sĩ, nhạc công...                           |
| Thân hình vận động... | Cảm nhận vận động cơ thể...                                        | Vũ công, vận động viên thể thao...              |
| Liên nhân cách        | Cảm nhận tâm trạng, tâm lí người khác                              | Chính khách, chuyên gia xã hội, nhà trị liệu... |
| Nội nhân cách         | Hiểu thấu bản thân, điều chỉnh bản thân thích ứng với hoàn cảnh... | Dễ thành công trong cuộc đời...                 |

năm, nhưng cũng sẽ ổn định như trẻ châu Âu trước đây.

### Tóm lại:

- **Từ 6 – 11 tuổi:** Trẻ lớn chậm, chắc, khá cân đối, đồng đều (mỗi năm tăng chừng 3kg, cao thêm chừng 5cm); Hệ thần kinh vẫn trong quá trình myelin hóa và phát triển, hoàn thiện, phù hợp với phát triển chậm, chắc, hài hòa, toàn diện của HS Tiểu học;

- **Thiếu niên 12 – 16 tuổi:** dậy thì, phát triển bùng nổ, mất cân đối, một số gặp khủng hoảng về sinh lí, tâm lí...; quá trình phân hóa, cụ thể hóa, cá thể hóa cao về phát triển cơ thể, sinh lí thần kinh, khí chất, cá tính... Quá trình đó ổn định dần vào tuổi 16, có cơ sở cho phân hóa, hướng nghiệp, phân luồng cho HS Trung học cơ sở (THCS);

- **Đầu tuổi thanh niên 17 – 18 tuổi:** phát triển sinh lí, tâm lí ổn định, “chín tới” về mọi mặt, phân hóa rõ đặc điểm sinh học, năng lực, xu hướng, kiểu nhân cách, tạo cơ sở cho phân luồng, hướng nghiệp, chọn nghề, yêu đương...của HS sau THCS.

## 2.2. Về khía cạnh tâm lí lứa tuổi

### a. Sự phát triển trí tuệ

- **J. Piaget** chia các giai đoạn phát triển **nhận thức** của trẻ em ra như sau:

+ 0 – 2 tuổi: cảm giác vận động;

+ 2 – 6 tuổi: tiền thao tác;

+ 6 – 12 tuổi: thao tác cụ thể => **Tiểu học 6 năm**;

+ 12 tuổi trở lên: thao tác hình thức => **Trung học**.

khác nhau, đối với các cá nhân khác nhau [3, tr. 380]:

b. Hoạt động chủ đạo và các giai đoạn phát triển tâm lí

- **D.B. Encônhin:** “Vấn đề trung tâm của Tâm lí học trẻ em là vấn đề động lực phát triển”. Động lực đó chính là **hoạt động của trẻ**, thông qua quan hệ với người lớn, với tư cách đại diện – mang trong mình toàn bộ sự phong phú mà loài người đã tích lũy được [4, tr. 429].

- Trẻ phát triển qua những giai đoạn khác nhau, “Mỗi giai đoạn được tính theo thời kì đó mối quan hệ nào với thực tại là chủ đạo, loại **hoạt động nào là chủ đạo**” [4, tr.427]. Hoạt động chủ đạo chính là hoạt động tạo ra cấu tạo mới, chất lượng mới, đặc điểm mới... của giai đoạn phát triển đó của trẻ. Một số nhà nghiên cứu theo quan điểm tâm lí học hoạt động cho rằng những hoạt động ưu thế/chủ đạo phát triển qua các giai đoạn như sau:

+ Vườn trẻ: chơi với đồ vật;

+ Mẫu giáo: chơi với bạn qua các trò chơi đóng vai;

+ HS Tiểu học (nhi đồng): hoạt động học tập;

+ HS THCS (thiếu niên): hoạt động và giao lưu với nhóm bạn;

+ HS THPT (đầu tuổi thanh niên): hướng nghiệp, khuynh hướng sống...

- **Phạm Hoàng Gia:** HS phổ thông đều lấy hoạt động học tập làm cơ sở phát triển, nhưng có đặc thù:

+ Nhi đồng: hướng **trí tuệ** => **Tiểu học**;

+ Thiếu niên: hướng **tâm tình** => **THCS**;

+ Thanh niên: hướng **nghề nghiệp** => **Sau THCS**

[7, tr. 115]

c. Sự phát triển tâm lý đạo đức, xã hội

- Kohlberg phân tích sự **phát triển đạo đức của trẻ**:

+ **Mức 1**: Đạo đức định hướng trừng phạt và tuân thủ, mong chờ những khen thưởng... (**6 – 10 tuổi**)=> **Tiểu học**;

+ **Mức 2**: Đạo đức đồng thuận: tuân theo nhóm, đa số (có ủng hộ và phản đối...) (**thiếu niên**)=> **THCS**;

+ **Mức 3**: Đạo đức theo nguyên tắc: định hướng theo giao ước, chuẩn mực xã hội, nguyên tắc lương tâm cá nhân... (**thanh niên**)=> **Sau THCS**.

- **Selman**: Sự phát triển khía cạnh **tâm lý xã hội của trẻ**:

+ 3 – 6 tuổi: nhập vai viễn cảnh không phân hóa (mơ tưởng...);

+ 6 – 8 tuổi: nhập vai qua thông tin xã hội;

+ 8 – 10 tuổi: nhập vai qua phản ánh bản thân;

+ 10 – 12 tuổi: nhập vai trao đổi nhiều vai (mỗi hoàn cảnh một khác);

+ 12 – 16 tuổi: nhập vai xã hội (có tính khái quát các tiêu chuẩn nhóm, cộng đồng)...[3, tr. 484]

\* **Tóm lại**, sự phát triển tâm lý ở các cá thể không đồng đều, nhưng các nhóm tuổi có những đặc điểm chung:

- 6 – 11/12 tuổi phát triển toàn diện, cân đối, hài hòa; hiểu biết và quan hệ với tổng thể tự nhiên, xã hội, con người, bản thân; có hứng thú học tập. Động cơ ưu thế: nhận thức và được đánh giá tốt; “cái tôi bên ngoài”...=> **Tiểu học**;

- 12 – 15/16 tuổi phát triển nhận thức sâu, đi vào bản chất của sự vật (phân hóa, phân tích, thực hành, trải nghiệm) về tự nhiên, xã hội, bản thân; vượt qua khủng hoảng tuổi dậy thì, trở thành con người biết tự ý thức, tự đánh giá, tự điều chỉnh bản thân trong các quan hệ xã hội; động cơ ưu thế: tự khẳng định; “cái tôi bên trong”=> **THCS**;

- 16 – 18 tuổi định hình nhân cách theo mẫu lí tưởng do bản thân chọn lựa; học tập, hướng nghề nghiệp, tình yêu, khuynh hướng xã hội; động cơ ưu thế: thành đạt; “cái tôi xã hội” theo lí tưởng cá nhân chọn lựa=> **Sau THCS**.

Từ đó cho thấy: giáo dục cần tôn trọng sự phát triển “tự nhiên” đảm bảo bền vững, không nên theo kiểu “đốt cháy giai đoạn”.

Cần nói thêm về vấn đề nhân cách. HS có thể “tăng tốc” học những kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ mới, có tri thức và kỹ năng hiện đại ở tuổi thiếu niên, nhưng để hình thành **nhân cách** – một con người có bản chất văn hóa, xã hội ít ra cũng phải qua tuổi 16 mới trưởng thành về “nhân cách tâm lí” (có khả năng tự ý thức, tự điều chỉnh, tự kiểm soát hành

vi một cách ý thức) và 18 tuổi trở lên mới chín tới về mọi mặt để trở thành “nhân cách công dân”, “nhân cách xã hội”. Vì học lệch, học tắt nên có hiện tượng có bằng cấp cao chưa chắc có nhân cách văn hóa. Tóm lại, giáo dục là sự nghiệp “trồng người”, không nên như trồng cây, có thể biến đổi gen, kích thích sinh trưởng sớm để có năng suất cao, hình thức, mẫu mã đẹp mà không tính đến hậu quả lâu dài.

### 2.3. Về mặt xã hội

- **Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (PISA)** được tiến hành từ năm 2000, nay mở rộng ra gần 100 nước. “**Độ tuổi 15** được coi là độ tuổi kết thúc giai đoạn **giáo dục bắt buộc** ở hầu hết các nước thành viên OECD.” Mục đích tổng quát của PISA là kiểm tra xem 15 tuổi, kết thúc giai đoạn giáo dục bắt buộc HS đã được chuẩn bị để đáp ứng những thách thức sau này đến mức độ nào” [1, tr.11].

- Thay đổi nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức giáo dục diễn ra trong phạm vi nhà trường, ít tác động xã hội hơn là thay đổi hệ thống. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy: Giáo dục cần “**đổi mới trong ổn định**” [6, tr.43], nhất là về hệ thống GDPT và các quy định, thể chế đã thành nền nếp truyền thống. (Người Pháp cai trị Việt Nam đã không tìm cách “đổi mới” hệ thống giáo dục Nho giáo mà xây dựng một hệ thống “trường Tây” song song tồn tại. Sau đó, Nho học tự suy tàn. Khi ta tiếp quản Sài Gòn (1975), thay chính quyền cũ, nhưng hệ thống GDPT của chế độ cũ 12 năm vẫn giữ nguyên chỉ thay nội dung) [6].

- **GDPT là hệ thống con** trong hệ thống giáo dục quốc dân, thay đổi hệ thống GDPT sẽ tác động đến thay đổi dây chuyền các hệ thống khác. Đồng thời, nó cũng tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Do đó, cần rất thận trọng tính toán mọi mặt.

- **Nhà trường là một thiết chế gắn với cộng đồng dân cư**, không thể thiếu. Tuy nhiên, **bố trí hệ thống** có khác nhau: Trường **mầm non và tiểu học** phải gần với địa bàn dân cư để tiện đưa đón trẻ và phối hợp gia đình, nhà trường, cộng đồng trong giáo dục trẻ (hiện nay quá thiếu trường và học trái tuyến quá nhiều, gây thêm rối nhiễu); **THCS** cũng gần với địa bàn dân cư nhưng thoáng hơn; **Sau THCS**, trường không nhất thiết gần với địa bàn cư trú; Học sinh sau THCS cần phân hóa học các loại trường khác nhau: THPT, THPT chuyên biệt, Trung học nghề, trường nghề, Trung cấp chuyên nghiệp, Bổ túc văn hoá... Như vậy, sau THCS có thể phát triển nhiều loại trường, đáp ứng nhu cầu và khả năng học tập có tính phân hóa cao và liên thông cho nhiều “kiểu, loại” HS khác nhau, nhưng không phá vỡ hệ thống GDPT [6, tr. 45].

(Xem tiếp trang 52)